

Số: 2778/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 14 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030
của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2235/QĐ-BYT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 2959/BYT-TCDS ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 2571/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh

thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 124/TTr-SYT ngày 24 tháng 8 năm 2020 về phê duyệt Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Y tế (b/c);
- Tổng cục Dân số-KHHGD (b/c);
- TTr TU; TTr HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Trung tâm CB-TH tỉnh (đăng Website);
- Lưu: VT, VX3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH ✓



Trần Văn Tuấn



KẾ HOẠCH

Truyền thông Dân số đến năm 2030 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

*(Kèm theo Quyết định số 2778/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

I. KHÁI QUÁT HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG-GIÁO DỤC DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU:

1. Kết quả đạt được:


- Trong giai đoạn 2011 - 2020, truyền thông giáo dục chuyên đổi hành vi về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình (SKSS/KHHGD) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã tạo sự chuyên biến tích cực về nhận thức, thái độ và hành vi của người dân trong việc thực hiện KHHGD, chăm sóc SKSS, nâng cao chất lượng dân số. Công tác truyền thông đã từng bước chuyển trọng tâm chính sách dân số từ KHHGD sang Dân số và Phát triển; chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là duy trì mức sinh và nâng cao chất lượng dân số theo tinh thần Nghị quyết 21-NQ/TW.

- Các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn được đẩy mạnh dưới nhiều hình thức; trong đó tập trung vào các đợt truyền thông địa bàn trọng điểm, nhân dịp kỷ niệm và các sự kiện của chương trình dân số; đa dạng hóa hình thức truyền thông, tư vấn đến từng nhóm đối tượng được chú trọng thường xuyên.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, những người có uy tín trong cộng đồng đã tích cực lãnh đạo, chỉ đạo, cam kết, ủng hộ và tham gia truyền thông, vận động về công tác dân số; đặc biệt là sự đồng tình, hưởng ứng của người dân, của mỗi gia đình và cộng đồng. Đây là một trong những yếu tố quyết định sự ổn định bền vững của chương trình Dân số và Phát triển hiện nay.

Qua đó, Kết quả truyền thông dân số hàng năm góp phần đạt chỉ tiêu kế hoạch và góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, cụ thể: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2019 là 1,04%; Tỷ suất sinh thô giảm từ 14,02‰ năm 2016 xuống còn 12,82‰ năm 2019; Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên duy trì ở mức 10%; Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái) trong những năm gần đây đã duy trì ở mức 107 nam/100 nữ; Tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch.

Có thể nói, công tác truyền thông, vận động với nhiều hình thức khác nhau để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà



nước về dân số luôn được xác định là một giải pháp cơ bản để thực hiện mục tiêu, đạt được những kết quả rất tích cực của chương trình dân số. Song hiện nay, với tình trạng mức sinh đang có xu hướng ngày càng giảm, Bà Rịa-Vũng Tàu nằm trong nhóm 21 tỉnh có mức sinh thấp, tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của một cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ) là 1,87 con năm 2019; cơ cấu dân số đang chuyển dần sang cơ cấu dân số già với chỉ số già hóa là 44,8%, tỷ lệ người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên của tỉnh ngày càng tăng (hiện nay là 10,3%) và tỉnh đã bước vào giai đoạn già hóa dân số, chất lượng dân số chưa cao..., vẫn là thách thức lớn đối với công tác dân số của địa phương.

2. Những tồn tại, hạn chế:

- Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng công tác truyền thông dân số trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có những thời điểm, những nơi còn chưa chủ động và đạt hiệu quả chưa cao. Nội dung truyền thông còn tập trung vào kế hoạch hóa gia đình, chưa chuyển mạnh sang dân số và phát triển; các hoạt động chưa đa dạng, phong phú để đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn mới.

- Công tác phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tổ chức các hoạt động truyền thông về dân số chưa có nhiều đổi mới về nội dung, hình thức để nâng cao chất lượng và mở rộng về số lượng.

- Các vấn đề về sức khỏe, sức khỏe sinh sản, nhất là sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên còn nhiều hạn chế: bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản, lây truyền qua đường tình dục, ung thư đường sinh sản, chăm sóc SKSS vị thành niên/thanh niên (VTN/TN), bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi,... còn đáng lo ngại. Điều đó, đòi hỏi công tác truyền thông, tư vấn phải thay đổi nội dung, cách thức và phương pháp tiếp cận toàn diện các vấn đề sức khỏe sinh sản cho phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Sản phẩm, trang thiết bị truyền thông từ tỉnh đến cơ sở còn nhiều thiếu thốn và bất cập. Các sản phẩm truyền thông như: tờ rơi, sách nhỏ... chưa đáp ứng đủ nhu cầu hoạt động ở cơ sở; thiếu các sản phẩm truyền thông dành riêng cho các nhóm đối tượng đặc thù là người di cư, người cao tuổi, VTN/TN, công nhân; trang thiết bị truyền thông (tivi, loa kéo cầm tay, micro,... được cấp cho cơ sở trong năm 2009, 2010 đến nay) đã hư hỏng không còn sử dụng được.

- Một số cán bộ làm công tác truyền thông dân số chưa thật sự tâm huyết, chưa linh hoạt và trách nhiệm với công việc, đặc biệt là việc vận dụng công nghệ thông tin trong công tác truyền thông về dân số chưa được tốt, nhất là đội ngũ chuyên trách, cộng tác viên dân số mới chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Một số thông tin không chính thống, hiểu chưa đúng về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với công tác dân số được đăng tải lan truyền nhanh chóng và rộng rãi trên các trang mạng xã hội, gây ảnh hưởng đến công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện chính sách dân số.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế:

- Công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư nguồn lực cho công tác truyền thông về dân số tại địa phương và một số ban ngành, cơ quan đơn vị chưa được quan tâm đúng mức; chưa có sự phối hợp, lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của công tác dân số với chương trình, kế hoạch tại địa phương.

- Tư tưởng muốn có nhiều con, coi trọng con trai hơn con gái,... vẫn còn khá phổ biến trong một bộ phận nhân dân; nhất là nhóm người có điều kiện kinh tế khá giả, kể cả cán bộ, đảng viên, cùng với việc thay đổi một số chính sách mới về dân số nên công tác truyền thông, vận động còn gặp nhiều khó khăn, bất cập.

- Kinh phí hoạt động của công tác dân số bị cắt giảm nhiều, nhất là kinh phí truyền thông, đã ảnh hưởng nhiều đến nội dung, hình thức và chất lượng, hiệu quả hoạt động truyền thông dân số.

- Thời đại công nghệ số, internet phát triển, mạng xã hội lan truyền thông tin nhanh chóng vừa có tác động tích cực, vừa có những mặt trái đối với công tác truyền thông dân số.

- Do thay đổi hệ thống tổ chức bộ máy hành chính nên hệ thống viên chức tuyến huyện, cộng tác viên dân số giảm và luôn biến động ảnh hưởng đến đội ngũ cán bộ những người trực tiếp tuyên truyền, vận động đối tượng tại cơ sở.

- Một số cán bộ, viên chức ở cơ sở vẫn còn hạn chế về kỹ năng tổ chức các hoạt động truyền thông, đặc biệt là việc vận dụng có hiệu quả công nghệ số, mạng xã hội vào công tác truyền thông dân số trong tình hình hiện nay.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH:

1. Các văn bản của Trung ương:

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình truyền thông Dân số đến năm 2030;



- Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030”;
- Quyết định số 2235/QĐ-BYT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030;
- Quyết định số 2324/QĐ-BYT ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030;
- Công văn số 2959/BYT-TCDS ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030;
- Công văn số 297/TCDS-TTGD ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Tổng cục Dân số-KHHGD về việc triển khai thực hiện Quyết định số 537/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Văn bản của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:

- Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;
- Quyết định số 2571/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;
- Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Từ những căn cứ nêu trên và những thách thức của công tác dân số hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030 của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch hành động Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của tỉnh đã đề ra; giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số, phân bố dân cư và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

III. ĐỊA BÀN, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN:

1. Địa bàn thực hiện:

Triển khai thực hiện tại 8/8 huyện, thị xã, thành phố trong toàn tỉnh với 82 xã, phường, thị trấn.

2. Đối tượng:

- Lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể và những người có uy tín trong cộng đồng.
- Người cao tuổi.
- Nam, nữ, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.
- Vị thành niên, thanh niên.
- Nhóm dân số đặc thù (công nhân lao động tại các công ty, xí nghiệp trong và ngoài Khu công nghiệp, người đi biển dài ngày,...).
- Cán bộ cung cấp dịch vụ (sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi).
- Phóng viên các cơ quan báo - đài, cán bộ truyền thông và cán bộ làm công tác văn hóa, thông tin cơ sở.

3. Thời gian thực hiện:


Kế hoạch được thực hiện từ năm 2020 - 2030, chia thành 2 giai đoạn:

a) **Giai đoạn 1:** năm 2020 - 2025: Tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ hoạt động. Hiện nay Bà Rịa-Vũng Tàu nằm trong nhóm 21 tỉnh có mức sinh thấp, mức sinh đang có xu hướng ngày càng giảm; do đó, tỉnh chú trọng đổi mới về nội dung, đa dạng các hình thức, phương pháp truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng, nhằm duy trì mức sinh thay thế và nâng cao chất lượng dân số.

Đẩy mạnh truyền thông giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng các cấp; tập trung khai thác, phát triển những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác. Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể liên quan tích cực ủng hộ và tham gia thực hiện các hoạt động tuyên truyền, vận động, tư vấn của chương trình dân số; nâng cao hiệu quả công tác truyền thông giáo dục, vận động và tư vấn các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số.

Nội dung truyền thông giáo dục chú trọng đến dân số và phát triển; đẩy mạnh truyền thông giáo dục, tư vấn nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về giới, bình đẳng giới, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; nêu cao vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội; chăm sóc sức khỏe trước hôn nhân và phòng tránh mang thai ngoài ý muốn; duy trì ổn định mức sinh với tiêu chí "Mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 2 con, không phân biệt trai - gái"; nâng cao chất lượng dân số và thích ứng với già hóa dân số.

b) **Giai đoạn 2:** năm 2026 - 2030: Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về dân số; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; tập trung khai thác, phát triển những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác.



Tăng cường truyền thông - giáo dục, tư vấn nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành dân số và phát triển; giới và bình đẳng giới, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; tiếp tục duy trì và ổn định mức sinh, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho các nhóm đối tượng. Triển khai mạnh mẽ, toàn diện, đồng bộ các hoạt động truyền thông, tư vấn tại các cấp.

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể liên quan, huy động mọi tổ chức, cá nhân tích cực ủng hộ và tham gia thực hiện các hoạt động truyền thông về dân số và phát triển.

IV. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Tập trung nâng cao chất lượng các hoạt động truyền thông, vận động về dân số nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ tích cực của toàn xã hội trong việc giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội; duy trì mức sinh thay thế và nâng cao chất lượng dân số, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, tận dụng cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Mục tiêu 1: Truyền thông nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể các cấp để huy động sự tham gia và cam kết với công tác dân số thông qua việc chỉ đạo, đầu tư nguồn lực, lồng ghép các vấn đề dân số trong chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phát huy lợi thế của cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số, duy trì vững chắc mức sinh thay thế, phân bố dân cư hợp lý, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên góp phần vào sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

Chỉ tiêu cần đạt được: 100% cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể các cấp được cung cấp thông tin về dân số và phát triển; tiếp tục kịp thời ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư nguồn lực (bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương) để tổ chức các hoạt động truyền thông về dân số và phát triển hiệu quả. Đồng thời phát động và chỉ đạo cuộc vận động “*thực hiện mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ 2 con, nuôi dạy con tốt và xây dựng gia đình tiên bộ, hạnh phúc*” trong nhân dân.

b) Mục tiêu 2: Tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện “mỗi cặp vợ chồng nên có hai con” nhằm tăng 10% tổng tỷ suất sinh, góp phần duy trì mức sinh thay thế của tỉnh; trong đó chú trọng vận động và tư vấn nâng cao nhận thức, hiểu biết, sự ủng hộ và tích cực thực hiện của mọi người dân, đặc biệt là các cặp vợ chồng, nam, nữ ở độ tuổi sinh đẻ.

Chỉ tiêu cần đạt được:



- Về vận động: đến năm 2025, có 90% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15 - 49) được truyền thông, tư vấn cung cấp thông tin về cuộc vận động “mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 2 con”; quyền và trách nhiệm trong việc sinh con, nuôi dạy con tốt; hệ lụy của mức sinh thấp; lợi ích của việc lựa chọn và thực hiện biện pháp tránh thai phù hợp góp phần thực hiện thành công cuộc vận động và đạt 95% vào năm 2030;

- Về thực hiện: đến năm 2025, có 80% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ chấp nhận thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại và đạt 85% vào năm 2030; các cặp vợ chồng cam kết sinh đủ hai con đạt 90% vào năm 2030.

c) Mục tiêu 3: Truyền thông, vận động và tư vấn nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh về lợi ích của việc kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, giá trị và quyền bình đẳng của trẻ em gái; nói không với lựa chọn giới tính thai nhi. Kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh 109 bé trai/100 bé gái vào năm 2025 và đạt 108 bé trai/100 bé gái vào năm 2030.

Chỉ tiêu cần đạt được:

- Đến năm 2025, có 90% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, ông bà, cha mẹ được truyền thông cung cấp thông tin hiểu được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh và đạt 95% vào năm 2030; 85% các cặp vợ chồng cam kết không lựa chọn giới tính thai nhi vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

- Đến năm 2025, có 95% cán bộ và nhân viên y tế, cơ sở y tế cung cấp các dịch vụ liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi và đạt 100% vào năm 2030.

- Đến năm 2025, có 95% các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh tiếp tục được cung cấp thông tin về giáo dục giới tính, bình đẳng giới, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh thông qua việc sinh hoạt ngoại khóa, tích hợp nội dung này vào môn học cùng với các hoạt động giáo dục trong nhà trường và đạt 100% vào năm 2030.

- Đến năm 2025, có 95% các cơ quan truyền thông đại chúng ở địa phương (tuyến xã, phường, thị trấn) thường xuyên tuyên truyền về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh; lợi ích của bình đẳng giới; giá trị của trẻ em gái, vị thế của phụ nữ trong gia đình cũng như ngoài xã hội và đạt 100% vào năm 2030.

- Đến năm 2025, có 90% vị thành niên, thanh niên, nam, nữ sắp kết hôn được cung cấp đầy đủ kiến thức pháp luật về chính sách dân số-KHHGD và đạt 95% vào năm 2030; trong số đó, có 85% hiểu biết đầy đủ các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.



d) Mục tiêu 4: Truyền thông cung cấp thông tin, kiến thức cho người dân hiểu, biết về kỹ năng thực hành của các vấn đề liên quan đến tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; tư vấn nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân góp phần nâng cao chất lượng dân số.

Các chỉ tiêu cần đạt được:

- Đến năm 2025, có 80% nam, nữ thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin và hiểu rõ về lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, chăm sóc sức khỏe sinh sản-KHHGD, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và đạt 90% vào năm 2030.

- Đến năm 2025, có 90% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin, hiểu rõ những kiến thức cơ bản về lợi ích của tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm tật, bệnh trước sinh, sơ sinh và đạt 95% vào năm 2030; Trong đó:

+ 65% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất vào năm 2025 và đạt 70% vào năm 2030.

+ 85% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.


e) Mục tiêu 5: Truyền thông, tư vấn nhằm nâng cao nhận thức, thái độ, kỹ năng thực hành của vị thành niên, thanh niên; đề cao vai trò, trách nhiệm và giá trị của gia đình, nhà trường, cộng đồng trong việc giáo dục về dân số-SKSS/KHHGD cho vị thành niên, thanh niên nhằm giảm tỷ lệ mang thai ngoài ý muốn; Tư vấn cho thanh niên về độ tuổi tốt nhất để kết hôn và sinh con (nam - nữ nên kết hôn trước 30, phụ nữ nên sinh con trước tuổi 35).

Các chỉ tiêu cần đạt được:

- Đến năm 2025, có 90% các cơ sở giáo dục trong tỉnh tiếp tục thực hiện tuyên truyền, tư vấn về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình thông qua việc tích hợp các nội dung này vào môn học phù hợp, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông và đạt 100% vào năm 2030.

- Đến năm 2025, có 85% trẻ em vị thành niên, thanh niên được cung cấp, cập nhật kiến thức về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình như: các biện pháp tránh thai, tác hại của quan hệ tình dục trước hôn nhân, tác hại của phá thai, mang thai ngoài ý muốn... đạt 90% vào năm 2030.

- Đến năm 2025, có 80% trẻ em vị thành niên, thanh niên trong tỉnh hiểu và có kỹ năng thực hành về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình như: biết cách phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục, biết lựa chọn các biện pháp tránh thai phù hợp, hiểu được tác hại của việc phá thai, biết được địa chỉ cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình... và đạt 85% vào năm 2030.



- Đến năm 2025, có 70% cha mẹ có con trong tuổi vị thành niên, thanh niên ủng hộ, hướng dẫn, hỗ trợ con cái chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và đạt 80% vào năm 2030.

f) Mục tiêu 6: Truyền thông nâng cao nhận thức cho người dân về ứng phó với già hóa dân số; tạo môi trường đồng thuận và tích cực tham gia của toàn xã hội vào phong trào hỗ trợ, chăm sóc nâng cao sức khỏe người cao tuổi trong cộng đồng.

Các chỉ tiêu cần đạt được:

- Đến năm 2025, có 75% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi được cung cấp kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi; kiến thức về chế độ dinh dưỡng, chế độ luyện tập phù hợp, lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ và đạt 80% vào năm 2030.

- Đến năm 2025, có 70% người cao tuổi hiểu và áp dụng các kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp, chế độ dinh dưỡng, chế độ luyện tập phù hợp, đi khám sức khỏe định kỳ và đạt 75% vào năm 2030.

- Đến năm 2025, có 80% người dân hiểu được nghĩa vụ, trách nhiệm, đạo lý truyền thống trong chăm sóc, giúp đỡ và phát huy vai trò người cao tuổi; nghĩa vụ, trách nhiệm quan tâm, phụng dưỡng người cao tuổi; hình thành nền tảng nhận thức xã hội và ý thức, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong cộng đồng về việc chủ động tự lo cho tuổi già khi còn trẻ và đạt 85% vào năm 2030.


- Huy động các sở, ban ngành, đoàn thể các cấp quan tâm thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, ứng phó với già hóa dân số để tuổi thọ bình quân trên địa bàn tỉnh đạt 76,95 tuổi vào năm 2025 và đạt 77,45 tuổi vào năm 2030; Trong đó: tuổi thọ sống khỏe mạnh đạt tối thiểu là 67 tuổi vào năm 2025 và đạt 68 tuổi vào năm 2030; tỷ lệ người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh ban đầu... đạt 80% vào năm 2025 và đạt 100% vào năm 2030.

V. CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ:

1. Hoạt động 1: Tăng cường cung cấp thông tin về dân số và phát triển đến cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp.

a) Các hoạt động chủ yếu:

- Tham mưu các cấp ủy Đảng, chính quyền đưa công tác dân số và phát triển, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Lồng ghép các yếu tố dân số vào trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.



- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, báo cáo chuyên đề cung cấp thông tin về dân số và phát triển đến các cấp ủy Đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể góp phần nâng cao nhận thức về công tác dân số trong tình hình mới.

- Sản xuất và cung cấp tài liệu vận động về dân số và phát triển cho các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể (bản tin, sách mỏng, các báo cáo tổng hợp theo định kỳ).

b) Phương thức thực hiện: Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

2. Hoạt động 2: Huy động các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội tham gia truyền thông về dân số và phát triển; tiếp tục xây dựng, triển khai các chương trình phối hợp, tập trung xây dựng các mô hình, hoạt động truyền thông toàn diện các nội dung về dân số và phát triển.

a) Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức hội nghị triển khai Kế hoạch vào năm 2020; hội nghị sơ kết giữa kỳ thực hiện vào năm 2025 và hội nghị tổng kết Kế hoạch vào năm 2030.

- Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội xây dựng và triển khai mô hình truyền thông phù hợp với các nhóm đối tượng, nhất là nhóm dân số đặc thù như: người khuyết tật, người cao tuổi, công nhân lao động tại các công ty, xí nghiệp trong và ngoài Khu công nghiệp của tỉnh, người lao động đi biển dài ngày.

- Huy động các chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng tích cực ủng hộ các hành vi có lợi về dân số và phát triển; lồng ghép nội dung truyền thông dân số vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của địa phương; đưa các tiêu chí về dân số và phát triển vào quy ước của cộng đồng, vào tiêu chuẩn Khu phố, Thôn/ấp văn hóa, gia đình văn hóa.

- Hàng năm tổ chức các sự kiện truyền thông vào các dịp kỷ niệm: Ngày Thalassemia Thế giới (08/5), Ngày Dân số Thế giới (11/7), Ngày Tránh thai thế giới (26/9), Ngày Quốc tế trẻ em gái (11/10), Ngày Quốc tế Người cao tuổi (01/10), Tháng Chiến dịch truyền thông Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh (tháng 10), Tháng hành động Quốc gia về Dân số (tháng 12) và Ngày Dân số Việt Nam (26/12), cùng với các sự kiện truyền thông khác nhằm thu hút đông đảo quần chúng nhân dân; tạo dư luận xã hội đồng thuận, ủng hộ việc xây dựng và thực hiện các hành vi tích cực và phê phán các hành vi vi phạm về chính sách dân số và phát triển trong cộng đồng.

b) Phương thức thực hiện: Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.



3. Hoạt động 3: Đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm truyền thông về dân số và phát triển; bảo đảm về chất lượng, đổi mới về hình thức, nội dung. Cung cấp trang thiết bị, phương tiện truyền thông phù hợp cho cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác truyền thông về dân số và phát triển, ưu tiên tuyến cơ sở, nhất là các xã nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai.

a) Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức biên soạn, nhân bản các tài liệu và sản phẩm truyền thông như tờ rơi, sách mỏng, tranh lật, pa nô, áp phích, bản tin chuyên đề, thông điệp truyền hình, thông điệp phát thanh... về các nội dung dân số và phát triển phù hợp với đặc trưng từng nhóm đối tượng.

- Thực hiện cập nhật, phổ biến thường xuyên các thông tin về dân số và phát triển trên Đài Phát thanh-Truyền hình, Báo Bà Rịa-Vũng Tàu, Bản tin và website của ngành y tế tỉnh, qua các mạng xã hội. Nội dung truyền thông được làm mới dưới dạng các phóng sự ảnh, video, poster để độc giả dễ dàng tiếp cận vấn đề hơn ngoài văn bản và hình ảnh truyền thống.

b) Phương thức thực hiện: Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

4. Hoạt động 4: Đẩy mạnh truyền thông thay đổi hành vi về dân số và phát triển trên các chuyên trang, chuyên mục, chương trình, phóng sự, tin bài, sách, ảnh, sự kiện truyền thông; lồng ghép nội dung truyền thông dân số và phát triển vào các chương trình giải trí, thể thao, nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng; tập trung khai thác, phát triển, tận dụng tối đa lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác.

a) Các hoạt động chủ yếu:

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông đại chúng tăng cường phát sóng, đăng tải các tin, bài, phóng sự... về dân số và phát triển. Triển khai các hình thức truyền thông hiện đại để cung cấp thông tin, tư vấn về dân số qua internet, trang tin điện tử, mạng xã hội, điện thoại di động nhằm thu hút sự quan tâm theo dõi của vị thành niên, thanh niên, nam giới và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

- Chuyển tải các nội dung, tài liệu truyền thông về dân số và phát triển từ bản in sang bản điện tử đưa lên mạng internet. Cập nhật và đưa tin các thông tin về dân số và phát triển trên đài phát thanh của huyện, thành phố; trên đài truyền thanh của xã, phường, thị trấn.

- Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo, tham quan học tập kinh nghiệm thực tế cho đội ngũ làm công tác truyền thông dân số để cung cấp thông tin, định hướng nội dung truyền thông ưu tiên, nắm bắt tình hình thực hiện công tác dân số và phát triển tại địa phương.



b) *Phương thức thực hiện:* Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

5. Hoạt động 5: Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động truyền thông trực tiếp trong hệ thống dân số các cấp; phát huy vai trò đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác dân số, y tế từ tỉnh đến cơ sở nhằm hình thành và duy trì bền vững hành vi tích cực về dân số và phát triển trong các tầng lớp nhân dân.

a) *Các hoạt động chủ yếu:*

- Tổ chức các hoạt động mít tinh, cổ động, diễu hành, nói chuyện chuyên đề nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn và các ngày kỷ niệm của chương trình dân số tại các cấp.

- Hàng năm tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng truyền thông, cập nhật thông tin về dân số và phát triển cho những người làm công tác truyền thông dân số các cấp; nắm bắt tình hình thông qua cuộc họp giao ban hàng tháng để tạo điều kiện thuận lợi cho họ thực hiện truyền thông, giáo dục và tư vấn có hiệu quả tại cộng đồng.

- Duy trì và đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp của đội ngũ cộng tác viên dân số như: tư vấn nhóm nhỏ, tư vấn tại hộ gia đình; lồng ghép vào sinh hoạt các tổ địa bàn dân cư, tổ công nhân tự quản; truyền thông và tư vấn nhóm lớn nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi tích cực về dân số và phát triển trong các tầng lớp nhân dân.

- Kiện toàn mạng lưới cán bộ phụ trách truyền thông dân số từ cấp tỉnh, cấp huyện, đến cấp xã; có chính sách ưu đãi đối với đội ngũ cộng tác viên dân số tại cộng đồng.

b) *Phương thức thực hiện:* Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

6. Hoạt động 6: Mở rộng các hình thức truyền thông, giáo dục thân thiện với vị thành niên, thanh niên; đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc phổ biến kiến thức, kỹ năng về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới tính, bình đẳng giới, về độ tuổi kết hôn và sinh con hợp lý.

a) *Các hoạt động chủ yếu:*

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh, Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh đoàn và các đơn vị có liên quan để thực hiện truyền thông-giáo dục hiệu quả; trong đó, truyền thông chuyên biệt cho vị thành niên, thanh niên như: nhóm giáo dục đồng đẳng, câu lạc bộ, góc thân thiện... tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường dạy nghề, cao đẳng, đại học; trong khu dân cư, khu công nghiệp và tại cơ sở cung cấp dịch vụ y tế-dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản.



- Định kỳ tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng tư vấn, kỹ năng làm việc với vị thành niên/thanh niên... cho cán bộ truyền thông, tư vấn, người cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình để bảo đảm cung cấp các dịch vụ mang tính thân thiện, bình đẳng, riêng tư, bảo mật và phù hợp với tâm sinh lý của vị thành niên/thanh niên.

- Sản xuất, nhân bản các tài liệu, sản phẩm truyền thông và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, giải trí phù hợp để thu hút sự quan tâm của vị thành niên/thanh niên như: hàng năm biên soạn, nhân bản các tài liệu, tờ rơi, sách mỏng...; tổ chức các chương trình hội thi, tọa đàm, giao lưu... về các vấn đề liên quan đến dân số, sức khỏe sinh sản vị thành niên/thanh niên.

b) *Phương thức thực hiện*: Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

7. Hoạt động 7: Đẩy mạnh xã hội hóa công tác truyền thông; huy động sự tham gia, đóng góp phương tiện, nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cho công tác truyền thông về dân số và phát triển.

a) *Các hoạt động chủ yếu*:

- Tìm kiếm, vận động các tổ chức, doanh nghiệp có điều kiện tài trợ cho chương trình dân số để nâng cao chất lượng công tác truyền thông, giáo dục về dân số và phát triển ở các cấp, nhất là ở cơ sở.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo nhằm vận động cấp ủy Đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể các cấp ban hành các nghị quyết, chính sách, quy định ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động xã hội hóa công tác truyền thông về dân số, nhằm thu hút các nguồn lực hợp pháp từ mọi thành phần trong xã hội.

- Tổ chức hoạt động tập huấn, nói chuyện chuyên đề, truyền thông trực tiếp, gián tiếp... nhằm cung cấp thông tin, cập nhật kiến thức và huy động sự ủng hộ của cán bộ chính quyền, đoàn thể các cấp đối với các hoạt động xã hội hóa công tác truyền thông về dân số và phát triển.

- Tổ chức các sự kiện truyền thông về dân số và phát triển nhân các ngày lễ, kỷ niệm của chương trình và huy động sự đóng góp nguồn lực của các cơ quan, doanh nghiệp, tập thể, cá nhân quan tâm.

- Thường xuyên tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông về dân số và phát triển, những lợi ích lâu dài của việc đầu tư cho công tác dân số, nhằm tạo sự đồng thuận, tham gia, ủng hộ của lãnh đạo chính quyền, ban ngành, đoàn thể các cấp; các cơ quan, doanh nghiệp... trong quá trình thực hiện chương trình dân số cũng như định hướng dư luận cho người dân trong cộng đồng.

b) *Phương thức thực hiện*: Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.



8. Hoạt động 8: Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ truyền thông trong hệ thống dân số; truyền thông viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên các ngành, các cấp.

a) Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề, đi tham quan thực tế để cung cấp thông tin về dân số và phát triển, chính sách, pháp luật mới ban hành; hướng dẫn về nội dung truyền thông ưu tiên; thông điệp chuẩn của vấn đề, chủ đề dân số cho đội ngũ phóng viên báo chí của cơ quan truyền thông đại chúng, cán bộ truyền thông và tư vấn về Dân số-KHHGD các cấp.

- Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ truyền thông, tư vấn về Dân số-KHHGD do cấp trên tổ chức.

- Tổ chức tập huấn cập nhật kiến thức kỹ thuật, kỹ năng sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại trên trang tin điện tử, mạng xã hội, qua internet, điện thoại di động, thiết bị chuyển tải thông tin cho đội ngũ nhân viên thực hiện của cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức tập huấn cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của các ban ngành, đoàn thể về Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và những chủ trương, chính sách mới về dân số.

b) Phương thức thực hiện: Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

9. Hoạt động 9: Đẩy mạnh hợp tác, huy động sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, kinh nghiệm triển khai các chương trình truyền thông về dân số và phát triển của các tổ chức trong và ngoài nước:

a) Các hoạt động chủ yếu:

- Trao đổi, chia sẻ, học tập kinh nghiệm với các tỉnh, thành phố trong cả nước. Tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật của các chuyên gia từ các dự án trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Huy động nguồn viện trợ từ các đơn vị, dự án, các nguồn tài chính hợp pháp khác để triển khai Kế hoạch.

b) Phương thức thực hiện: Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

10. Hoạt động 10: Tăng cường kiểm tra, giám sát hỗ trợ định kỳ và đột xuất để đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; kịp thời tuyên dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong quá trình triển khai thực hiện.

a) Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất với sự tham gia của các ban ngành, đoàn thể liên quan để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng

mắc trong quá trình phối hợp triển khai thực hiện; tuyên dương các điển hình tiên tiến triển khai thực hiện tốt công tác dân số tại địa bàn.

- Tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn về kiểm tra, giám sát hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ, cộng tác viên dân số ở cơ sở.

- Xây dựng và cung cấp biểu mẫu báo cáo, phiếu giám sát cho địa phương.

b) *Phương thức thực hiện*: Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Hàng năm, Sở Y tế chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan lập kế hoạch dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt kinh phí thực hiện hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Y tế: Là cơ quan chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các chiến lược, chương trình, dự án liên quan do các sở, ngành chủ trì thực hiện.

Chỉ đạo Chi cục Dân số - KHHGD tham mưu Sở Y tế xây dựng kế hoạch cụ thể trong từng năm và chịu trách nhiệm tổng hợp các kết quả triển khai thực hiện, định kỳ có báo cáo.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, địa phương có liên quan lồng ghép các chỉ tiêu về dân số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; huy động nguồn vốn đầu tư cho các dự án trong lĩnh vực Y tế - Dân số và các chương trình, kế hoạch, đề án liên quan đến truyền thông dân số.

3. Sở Tài chính: Sau khi Kế hoạch được phê duyệt, căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách địa phương, căn cứ vào quy định hiện hành có liên quan, Sở Tài chính thẩm định tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho các hoạt động truyền thông dân số hàng năm để Sở Y tế (Chi cục Dân số - KHHGD) tổ chức các hoạt động.

4. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chỉ đạo và hướng dẫn các cơ quan báo chí địa phương, cơ quan đại diện và phóng viên thường trú các báo Trung ương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Đài Truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố; Đài Truyền thanh các xã, phường, thị trấn; các trang thông tin điện tử trên địa bàn đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật về công tác dân số trong tình hình mới.



Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động về thông tin, báo chí, xuất bản liên quan đến công tác dân số; xử lý nghiêm những hành vi xuất bản các ấn phẩm, sản phẩm truyền thông có nội dung thông tin trái với quy định của pháp luật về dân số.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban ngành liên quan tổ chức đào tạo các nội dung về giới, giới tính, dân số, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới cho giáo viên trong trường học và tổ chức giảng dạy nội dung này cho học sinh; đồng thời tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa, tư vấn cho học sinh trong nhà trường.

6. Sở Tư pháp: Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nội dung chương trình dân số và truyền thông dân số thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước về công tác tư pháp được giao; phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn việc đưa nội dung dân số vào quy ước của thôn, ấp, khu phố và phổ biến, giáo dục các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân số.


7. Sở Văn hóa - Thể thao: Phối hợp với Sở Y tế triển khai các nội dung của Kế hoạch, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động giáo dục người dân thực hiện tốt chính sách dân số; lồng ghép triển khai các hoạt động công tác dân số trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” và công tác gia đình; đẩy mạnh công tác tuyên truyền đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam góp phần thực hiện xây dựng gia đình bình đẳng, ấm no, hạnh phúc.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Sở Y tế và các ban ngành, đoàn thể liên quan tăng cường truyền thông, huy động cộng đồng tạo môi trường đồng thuận trong hoạt động hỗ trợ chính sách, khuyến khích xã hội hóa chăm sóc, phát huy vai trò của người cao tuổi theo thông điệp của Liên Hợp quốc “Nghỉ hưu nhưng không nghỉ làm việc”; ưu tiên người cao tuổi vùng sâu, vùng xa, vùng biển, đảo và người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn; đảm bảo quyền bình đẳng giới trong dân số và tạo môi trường thân thiện với người cao tuổi.

9. Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Bà Rịa-Vũng Tàu và các cơ quan thông tin đại chúng:

Thực hiện tuyên truyền rộng rãi nội dung và các hoạt động của Kế hoạch truyền thông dân số, nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất nhận thức và sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân về chủ trương “chuyên trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển”.

Phối hợp với ngành Y tế tiếp tục thực hiện tốt việc tuyên truyền thường xuyên theo các sự kiện, hoạt động; tăng thời lượng phát sóng, số lượng tin, bài viết phù hợp về công tác dân số và phát triển trên các phương tiện thông tin đại chúng; kịp thời biểu dương gương người tốt, việc tốt; phê bình những tập thể, cá nhân vi phạm chính sách dân số nhằm nâng cao nhận



thức và thay đổi hành vi về công tác dân số, bảo đảm quyền, trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và các thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai kế hoạch; đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về dân số và phát triển cho cán bộ, hội viên, đoàn viên và toàn thể nhân dân; phối hợp tuyên truyền, vận động “*Mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con*”, “*không phân biệt giới tính - không lựa chọn giới tính thai nhi*”, “*toàn dân phát huy và chăm sóc người cao tuổi - nâng cao chất lượng dân số*”.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này, triển khai thực hiện tại địa phương, hàng năm cân đối bổ sung kinh phí tổ chức triển khai thực hiện đạt kết quả tốt. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện tại cơ sở.

- Tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo hướng dẫn của Sở Y tế và các Sở, ngành chức năng; xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình cụ thể hàng năm; phát huy trách nhiệm của các ban ngành, đoàn thể liên quan trong thực hiện huy động nguồn lực để thực hiện Kế hoạch. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch tại địa phương; chế độ báo cáo hàng năm theo quy định hiện hành./.